

Số: /BC-BCĐ PCGD-XMC

Tân Hồng, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Công văn số 888/SGDDĐT-GDTrH-TX&CN, ngày 03/7/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện phổ cập giáo dục từ năm 2016.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Huyện Tân Hồng Mạng lưới trường lớp được củng cố, sắp xếp và quy hoạch hợp lý với 16 trường Mầm non, Mẫu giáo; 18 trường Tiểu học; 02 trường TH-THCS; 09 trường Trung học cơ sở; 02 trường THCS-THPT; 01 trường THPT; 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và 09 Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng.

Cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ cho công tác giáo dục. Hiện tại, toàn huyện có 26/48 trường học đạt chuẩn quốc gia. Trong đó:

- Mầm non: 9 trường;
- Tiểu học: 10 trường;
- THCS: 5 trường;
- THCS-THPT: 01 trường;
- THPT: 01 trường.

Huyện giữ vững và từng bước nâng cao kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

II. THUẬN LỢI - KHÓ KHĂN:

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Sở giáo dục và Đào tạo ngành giáo dục của huyện đã có nhiều đổi mới, chất lượng giáo dục đã từng bước ổn định. Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cũng

rất được quan tâm. Luôn xác định sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của toàn dân, là phát triển, xây dựng kinh tế - Xã hội của huyện.

UBND huyện chỉ đạo sâu sát, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục và xóa mù chữ.

Các ban ngành đoàn thể rất quan tâm hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện công tác.

2. Khó khăn:

Nhận thức của một bộ phận cha mẹ học sinh còn hạn chế, thiếu quan tâm và chưa tạo điều kiện thuận lợi để các con em được học tập tốt hơn. Hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên các em phải nghỉ bỏ học tham gia lao động tại các công ty, xí nghiệp ở các tỉnh, thành khác để phụ giúp gia đình.

Liên tiếp trong 02 năm qua địa phương bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên số bỏ học theo cha mẹ đi làm thuê tăng, làm ảnh hưởng đến công tác nâng cao chuẩn PCGD Trung học cơ sở.

III. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ:

Chỉ thị 10-CT/TW ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn;

Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2021”;

Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xoá mù chữ;

Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện đảm bảo và nội dung quy trình thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập, xóa mù chữ;

Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2021” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Công văn số 888/SGDĐT-GDTrH-TX&CN, ngày 03/7/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện phổ cập giáo dục từ năm 2016;

Chương trình hành động số 65-Ctr/HU, ngày 25/2/2014 của Huyện ủy Tân Hồng về việc thực hiện Nghị quyết số 29/NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Kế hoạch số 69/KH-UBND, ngày 26/04/2013 của UBND huyện Tân Hồng về việc thực hiện Chương trình hành động số 126/CTr/TU của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị về “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn”;

Kế hoạch số 25/KH-UBND, ngày 14/3/2013 của UBND huyện Tân Hồng về việc thực hiện Chương trình hành động số 126-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW của Bộ Chính trị về “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn”;

Kế hoạch số 108/KH-UBND, ngày 02/7/2014 của UBND huyện về việc thực hiện Chương trình hành động số 188/CTr/TU của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 8 khóa XI;

Kế hoạch số 168/KH-UBND, ngày 24/11/2014 của UBND huyện Tân Hồng về việc thực hiện Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2021” trên địa bàn huyện;

Quyết định số 77/QĐ-UBND.TL, ngày 10/5/2016 của UBND huyện Tân Hồng về việc thành lập Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, Xóa mù chữ huyện Tân Hồng;

Kế hoạch số 95/KH-BCĐPCGD-XMC, ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC huyện Tân Hồng về việc Thực hiện Phổ cập giáo dục và Xóa mù chữ năm 2021;

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2021:

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:

1.1. Về tiêu chí:

- Huy động trẻ 5 tuổi (sinh năm 2016) đến lớp: 1.256/1.256, tỷ lệ 100%.
- Trẻ 5 tuổi (sinh năm 2015) HTCTGDMN: 1.387/1.387, tỷ lệ 100%.
- Trẻ 5 tuổi khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 0/0, tỷ lệ %.
- Trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày: 1.256/1.256, tỷ lệ 100%.

1.2. Điều kiện đảm bảo:

- Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (thời điểm tháng 5 năm 2021).

* Tổng số CBQL-GV-NV: 374 Trong đó: CBQL: 47; giáo viên: 258; nhân viên: 69.

+ Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo: 258/258, tỷ lệ 100%.

+ Tỷ lệ giáo viên/lớp: 258/145, tỷ lệ 1,78.

* Tổng số giáo viên dạy lớp 5 tuổi: 115.

+ Giáo viên dạy lớp 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo: 115/115, tỷ lệ 100% (giáo viên dạy lớp 5 tuổi đạt trình độ đào tạo trên chuẩn 108/115, tỷ lệ 93,9%).

+ Tỷ lệ giáo viên dạy lớp 5 tuổi/lớp: 115/67, tỷ lệ 1,72 (45 lớp bán trú/90 giáo viên; 22 lớp 2 buổi/ 25 giáo viên).

+ Số giáo viên đạt chuẩn dạy lớp Mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non: 115/115, tỉ lệ 100% (Tốt: 105 và Khá: 10).

+ Có phân công mỗi xã, thị trấn có người theo dõi phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi: 09/09, tỷ lệ 100%.

- Về Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

+ Tổng số điểm trường Mầm non, Mẫu giáo: 16 trường (08 trường Mầm non, 08 trường Mẫu giáo) với 145 nhóm lớp.

+ Số trường đạt chuẩn quốc gia: 9/16, tỷ lệ 56,3%.

+ Số phòng học dành cho trẻ 5 tuổi: 67 phòng (Kiên cố: 55; Bán kiên cố: 12; phòng học khác: 0).

+ Tỷ lệ phòng học/lớp: 67/67, tỷ lệ 1 phòng/ lớp.

+ Số phòng chức năng:

+ Thiết bị đồ dùng đồ chơi: 67/67 lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT và Thông tư 34/2013/TT-BGDĐT, tỷ lệ 100%.

+ Sân chơi ngoài trời: 46/46 sân chơi có bộ đồ chơi ngoài trời.

+ Khu vệ sinh, Chương trình nước sạch, bếp ăn của trường: 204 (Khu vệ sinh: 137; Chương trình nước sạch: 50; Bếp ăn: 17).

*** Kết luận: 09/09 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đơn vị huyện Tân Hồng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2021.**

2. Phổ cập Giáo dục Tiểu học:

2.1. Về tiêu chí:

- Số trẻ 6 tuổi vào ra lớp 1: 1.380/1.380, tỷ lệ 100%.

- Số trẻ 11 tuổi HTCTTH: 1.158/1.234, tỷ lệ 93,84%.

- Số trẻ 11 tuổi đang học tiểu học: 79/1.23, tỷ lệ 6,16%.

- Số trẻ đến 14 tuổi HTCTTH: 5.507/5.635, tỷ lệ 97,73%.

- Trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 29/29, tỷ lệ 100%.

2.2. Điều kiện đảm bảo:

- Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục tiểu học.

* Tổng số CBQL-GV-NV: 583. Trong đó: CBQL: 49; giáo viên: 461; nhân viên: 73.

+ Tỷ lệ giáo viên/lớp: 461/341, tỷ lệ 1,35.

+ Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo: 461/461, tỷ lệ 100% (giáo viên đạt trên chuẩn đào tạo: 454/461, tỷ lệ 98,48%).

+ Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: 461/461, tỷ lệ 100%.

+ Có phân công mỗi xã, thị trấn có người theo dõi phổ cập giáo dục tiểu học: 09/09, tỷ lệ 100%.

- Về Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

+ Tổng số trường Tiểu học, TH-THCS: 20 (Tiểu học: 18; TH-THCS: 02). Trong đó: Trường hạng 1: 10; trường hạng 2: 10; trường hạng 3: 00)

+ Tỷ lệ phòng học/lớp (đạt ít nhất 0,7 phòng/lớp): 401/341, tỷ lệ 1,18.

+ Số trường đạt chuẩn quốc gia: 10/18, tỷ lệ 55,56%.

- Mạng lưới điểm học được bố trí phù hợp với điều kiện đến trường của học sinh.

Kết luận: Đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

3. Phổ cập Giáo dục Trung học cơ sở :

3.1. Về Tiêu chí

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

- Tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS: 4.174/4.473, tỷ lệ: 93,32%.

- Tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp: 3.829/4.473, tỷ lệ 85,6%.

2.2. Điều kiện đảm bảo:

- Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục THCS.

* Tổng số CBQL-GV-NV: 389. Trong đó: CBQL: 27; giáo viên: 305; nhân viên: 57.

+ Tỷ lệ giáo viên/lớp: 308/159, tỷ lệ 1,94.

+ Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo: 308/308, tỷ lệ 100% (số giáo viên trên chuẩn đào tạo: 270/308, tỷ lệ 87,67%).

+ Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: 308/308, tỷ lệ 100% (Xuất sắc: 86; Khá: 221; TB: 01).

+ Có phân công mỗi xã, thị trấn có người theo dõi phổ cập giáo dục Trung học cơ sở: 09/09, tỷ lệ 100%.

- Về Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- + TH-THCS: 02 trường (Trường hạng 2: 02 trường);
- + THCS: 09 trường (Trường hạng 1: 03 trường, Hạng 2: 03 trường, Hạng 3: 03 trường);
- + THCS-THPT: 02 trường (Trường hạng 1: 02 trường).
- + Tổng số phòng học: 146 (phòng kiên cố: 112; phòng bán kiên cố: 17; phòng tạm: 17).
- + Tỷ lệ phòng học/lớp (đạt ít nhất 0,5 phòng/lớp): 146/159, tỷ lệ 0,92%.
- + Số trường đạt chuẩn quốc gia: 06/13, tỷ lệ 46,15%.

Kết luận: Đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

4. Về xoá mù chữ:

- Dân số trong độ tuổi 15-25: 10.084.

- + Dân số trong độ tuổi 15-25 biết chữ mức độ 1: 10.078/10.084, tỷ lệ: 99,94% (số người chưa biết chữ: 6/10.084, tỷ lệ 0,06%).
- + Dân số trong độ tuổi 15-25 biết chữ mức độ 2: 10.078/10.084, tỷ lệ: 99,94% (số người chưa biết chữ: 6/10.084, tỷ lệ 0,06%).

- Dân số trong độ tuổi 15-35: 25.254.

- + Dân số trong độ tuổi 15-35 biết chữ mức độ 1: 24.990/25.254 tỷ lệ: 98,95% (số người chưa biết chữ: 129/25.254, tỷ lệ 0,5%).
- + Dân số trong độ tuổi 15-35 biết chữ mức độ 2: 24.809/25.254 tỷ lệ: 98,24% (số người chưa hoàn thành chương trình lớp 5: 430/25.254, tỷ lệ 1,7%).

- Dân số trong độ tuổi 15-60: 54.523.

- + Dân số trong độ tuổi 15-60 biết chữ mức độ 1: 53.773/54.523 tỷ lệ: 98,62% (số người chưa biết chữ: 750/54.523, tỷ lệ 1,38%).
- + Dân số trong độ tuổi 15-60 biết chữ mức độ 2: 52.736/54.523 tỷ lệ: 96,72% (số người chưa hoàn thành chương trình lớp 5: 1.787/54.523, tỷ lệ 3,28%).

*** Kết luận: Đơn vị đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.**

V. XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

1. Bậc học Mầm non, Mẫu giáo: 1.342.843.000 đồng.
2. Cấp Tiểu học: 1.503.890.000 đồng.
3. Cấp THCS: 769.575.000 đồng.

Xã hội hóa trong cuộc vận động Chương trình ”Sóng và Máy tính cho em” của cấp huyện được 950.000.000 đồng.

Tổng cộng: 4.566.308.000 đồng.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

Sự ổn định về chính trị, Kinh tế - Xã hội ngày càng phát triển, nhân dân đã có nhận thức cao, quan tâm đến việc học tập của con em. Do đó đã tạo được đồng thuận trong nhân dân về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo các cơ quan ban ngành, Hội đoàn thể trong huyện phối hợp, kết hợp chặt chẽ trong việc chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của huyện nhà. Đặc biệt trong năm 2021, toàn huyện đã tổ chức thực hiện cuộc vận động "Sóng và Máy tính cho em" giúp 100 % học sinh từ lớp 5 đến lớp 9 có thiết bị học trực tuyến.

Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của Huyện và cấp xã được thành lập, kiện toàn, có phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng thành viên trong việc chỉ đạo thực hiện công tác phổ cập giáo dục ở từng địa phương.

Trong năm 2021 đã công nhận mới được 04 trường đạt chuẩn Quốc gia (03 mức độ 1 và 01 mức độ 2) và nâng chuẩn lên mức độ 2 là 02 trường.

2. Hạn chế:

Ban chỉ đạo Chống mù chữ và Phổ cập giáo dục ở một số xã tổ chức hội họp còn ít, chưa xây dựng được phương án để thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, Chống mù chữ hiệu quả.

Hoạt động của các đoàn thể như: Đoàn Thanh niên, hội Phụ nữ và các tổ chức hội đoàn thể khác ở cơ sở chưa có biện pháp tích cực, thường xuyên về công tác tuyên truyền vận động học sinh ra lớp.

Không ít các đối tượng trong độ tuổi từ 15 – 21 đã tốt nghiệp trung học cơ sở và hoàn thành chương trình trung học phổ thông bỏ học để phụ giúp gia đình, là lao động chính để kiếm sống, đi lao động ở các tỉnh khác nên việc huy động các đối tượng này ra lớp còn gặp nhiều khó khăn.

Do mật độ dân cư thấp, nhiều ấp có số lượng học sinh từng lớp quá ít nên không thể mở lớp đơn mà phải mở lớp ghép 2 trình độ ở cấp mầm non và tiểu học, dẫn đến chất lượng học tập của học sinh có phần bị hạn chế, đó cũng là một trong những lý do dẫn đến việc học sinh bỏ học.

Ảnh hưởng dịch bệnh Covid nên đời sống người dân càng khó khăn hơn buộc phải đi làm ăn xa nên ảnh hưởng đến việc huy động và duy trì sĩ số học sinh trong nhà trường. Từ đó ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS

Huy động các đối tượng có độ tuổi từ 25 → 60 tuổi chưa hoàn thành chương trình bậc tiểu học ra lớp Xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ và học sinh bỏ học ở cấp THCS, THPT ra lớp phổ cập giáo dục, hoặc học hệ giáo dục thường xuyên, học trung cấp nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp hiệu quả không cao.

3. Giải pháp thực hiện:

Tiếp tục quán triệt thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn và Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Tập trung tham mưu, xây dựng cơ sở vật chất các trường học theo đúng kế hoạch kiên cố hóa trường lớp theo đúng kế hoạch Dự án “Kiên cố hóa trường, lớp học”, đảm bảo nâng dần tỷ lệ số học sinh được học 02 buổi/ngày, phát triển trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt trường chuẩn quốc gia theo đúng lộ trình.

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở theo hướng tăng nhanh tỉ lệ học sinh vào học ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề.

Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phục vụ thiết thực công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt chương trình đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề; đồng thời tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác phổ cập giáo dục. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động, kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt và những địa phương làm tốt công tác phổ cập giáo dục; phối hợp liên ngành, phát huy kết quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục.

UBND xã, thị trấn các trường trên địa bàn huyện cần đẩy mạnh các biện pháp sau đây:

Tích cực chống lưu ban và bỏ học trong nhà trường. Huy động học sinh đến trường đầu năm đạt hiệu quả cao nhất, Duy trì tốt sĩ số học sinh đã huy động được, chống lưu ban bỏ học dưới 1,5%.

Huy động được số học sinh đã bỏ học vào học lớp chính quy hoặc các lớp hệ giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp.

Huy động tối đa đối tượng từ 11 đến 21 tuổi đã bỏ học ở các trường THCS, THPT vào học hệ giáo dục thường xuyên hoặc tại các trường trung cấp, cao đẳng nghề.

Các trường THCS, THCS-THPT tập trung đẩy mạnh công tác tư vấn, hướng nghiệp vào những ngành nghề có thế mạnh của địa phương, phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình và khả năng học tập của các em học sinh.

Các xã, thị trấn tích cực điều tra, cập nhật, bổ sung số liệu các đối tượng trong độ tuổi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ một cách chính xác, đầy đủ, không bỏ sót đối tượng.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để nhằm huy động nhiều nguồn lực hỗ trợ cho các lớp phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở địa phương và phát động phong trào học xã hội học tập, gia đình học tập làm cho các đối tượng này thấy rõ nghĩa vụ; trách nhiệm cũng như quyền lợi của người học khi hoàn thành chương trình cấp học.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu

1.1. Giáo dục mầm non

- Duy trì đạt các điều kiện, tiêu chuẩn và nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt chuẩn PCGDMN TNT theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2004 của Chính phủ về phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; đồng thời phấn đấu toàn huyện 9/9 đơn vị xã, thị trấn đủ điều kiện duy trì đạt chuẩn PCGDMN TNT trong năm 2022.

- Chỉ tiêu cụ thể:

+ Huy động 100% trẻ 5 tuổi đến trường.

+ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non.

+ Công nhận 01 trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia, nâng tỷ lệ lên 10/16 trường, đạt: 62,5%.

1.2. Giáo dục tiểu học

- Tiếp tục thực hiện việc nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV theo Luật Giáo dục 2019, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh; đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dung học tập.

- Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

+ Huy động 100% trẻ 11 tuổi đến trường.

+ 99% trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.

+ Công nhận 01 trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và 01 trường đạt mức độ 2, nâng tỷ lệ lên 11/18 trường, đạt: 68,75%.

+ Số xã duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3: 9/9, tỉ lệ 100%;

+ Huyện duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

1.3. Giáo dục trung học cơ sở

- Tiếp tục huy động tối đa số học sinh ra lớp, nâng cao tỷ lệ chuyên cần cho học sinh.

- Chỉ đạo quyết liệt việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, quan tâm tới giáo dục kỹ năng sống, rèn kỷ cương nề nếp trường lớp học, phấn đấu tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 hàng năm đạt trên 95%.

- Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo, tăng cường công tác xã hội hóa để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Huy động 100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6.

+ Học sinh tốt nghiệp THCS và Bỏ tụt THCS từ 95% trở lên.

+ Thanh thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi có bằng Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc Bỏ tụt trung học cơ sở đạt 95% trở lên.

+ Huy động 95% số đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trong ba chương trình: Trung học phổ thông, bỏ tụt trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề.

+ Công nhận 01 trường THCS đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 mới, nâng tỷ lệ lên 07/13 trường, đạt: 53,84%.

+ Số xã duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2: 9/9, tỉ lệ 100%;

+ Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3: 02/09, tỉ lệ 22,22%;

+ Huyện đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

- Về Phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS.

+ Huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 (2 hệ) đạt 80%.

+ Huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học các trường nghề 20%.

1.4. Xóa mù chữ

Làm tốt công tác điều tra nhập liệu, hằng năm khảo sát nhu cầu người học và mở các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

- Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Số xã duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 1: 9/9, tỉ lệ 100%.

+ Số xã duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 2: 9/9, tỉ lệ 100%.

+ Huyện đạt chuẩn XMC mức độ 2.

2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, Ban chỉ đạo PCGD, XMC; nâng cao năng lực, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban chỉ đạo PCGD&XMC trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch, kiến thức nuôi dạy trẻ dưới nhiều hình thức để chính quyền các cấp, các tổ chức và nhân dân ủng hộ trong việc thực hiện kế hoạch PCGD&XMC.

2.2. Nâng cao nhận thức về công tác PCGD&XMC

- Tập trung bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp trường để từng bước đáp ứng được các tiêu chuẩn của cán bộ quản lý trường chuẩn, phấn đấu 100% cán bộ quản lý tại các trường được đào tạo, bồi dưỡng các lớp lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý trường học.

- Tiếp tục chỉ đạo tốt việc tổ chức tập huấn về nghiệp vụ làm hồ sơ cho các cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác PCGD&XMC.

- BCD các cấp tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát hoàn thiện bộ hồ sơ PCGD-XMC theo các năm đảm bảo theo quy định, kịp thời tư vấn hỗ trợ về nghiệp vụ kỹ thuật cho các đơn vị, đồng thời có sự phối hợp tốt trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch PCGD-XMC.

2.3. Tăng cường cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

- Tiếp tục tham mưu đề nghị bổ nhiệm cán bộ quản lý, tuyển dụng bổ sung đội ngũ giáo viên, và nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng đáp ứng thực tiễn đổi mới căn bản toàn diện về giáo dục.

- Với các trường Mầm non, Mẫu giáo: Tiếp tục huy động các nguồn lực tu sửa, bổ sung cơ sở vật chất: Phòng học, nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước, công trình nước sạch, bổ sung cho các trường Mầm non đủ đồ dùng thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho trẻ, đặc biệt là các trường vùng sâu, vùng xa... (đảm bảo đủ phòng học, phòng học đủ diện tích, có đủ nhà vệ sinh tại các điểm trường cho trẻ, đủ nước sinh hoạt, đủ đồ dùng đồ chơi, có các đồ chơi tự tạo cho trẻ). Cải tạo khuôn viên trường lớp đảm bảo đạt tiêu chí trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện...

- Với các trường TH, THCS, TH&THCS, THCS-THPT và THPT: Đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng công tác PCGD&XMC.

2.4. Công tác xã hội hoá giáo dục

Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục bằng các hình thức: tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để huy động sự đóng góp kinh phí, công sức lao động của nhân dân cùng với ngân sách Nhà nước, các tổ chức từ thiện để xây dựng trường lớp, duy trì công tác tổ chức ăn bán trú...

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư cơ sở vật chất kiên cố hóa trường lớp học, bổ sung các hạng mục công trình vệ sinh các trường, các điểm trường còn thiếu trên địa bàn huyện.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn thực hiện thông kê số liệu PCGD&XMC cấp Huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, Xóa mù chữ huyện Tân Hồng./.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT ;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND và UBND huyện;
- Thành viên BCD;
- Lưu: VT/Dũng.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG GD&ĐT
Nguyễn Tấn Công**